ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 152 /2026/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1159/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 10 năm 2026 về việc đề nghị ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục đính kèm.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã; các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan trong quá trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành được giao phụ trách tiêu chí, nội dung tiêu chí theo phân công tại Phụ lục kèm theo Quyết định này có trách nhiệm:

a) Căn cứ hướng dẫn của Bộ, cơ quan trung ương và điều kiện thực tế của địa phương để hướng dẫn chuyên môn; theo dõi, đánh giá, thẩm tra các tiêu chí, nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực được phân công.

b) Hỗ trợ, đôn đốc, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong quá trình triển khai thực hiện. Trường hợp có vướng mắc, báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để chỉ đạo, xử lý.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn chung, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại; phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả xây dựng xã nông thôn mới hiện đại; đồng thời, cập nhật, công khai kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện đại trên Cổng Thông tin điện tử thành phố.

b) Tiếp nhận hồ sơ, tham mưu tổ chức thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã có lộ trình xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố

a) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện quyết định này trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, chất lượng; trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, tổng hợp, báo cáo Sở, ngành chuyên môn để được hướng dẫn.

b) Chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện xã nông thôn mới hiện đại phù hợp với điều kiện địa phương và lập hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo đúng quy định. Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện đại trên địa bàn.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tại quyết định này; hướng dẫn việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng xã nông thôn mới hiện đại theo quy định; đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và vận động Nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới hiện đại tại địa phương.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND thành phố;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Báo và PTTH Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, KT, SNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng

Phụ lục

TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 152 /2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030)

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn thành phố tại cùng thời điểm (Thống kê Đà Nẵng hướng dẫn thực hiện và thẩm tra)

3. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, cụ thể như sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì hướng dẫn và thẩm tra
1	Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	1.1. Hạ tầng viễn thông, internet - Đảm bảo 100% thôn được phủ sóng internet cáp quang, 4G/5G - Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành - 100% các điểm phục vụ hành chính công, y tế, văn hóa, các nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã có hạ tầng Internet băng rộng, có wifi công cộng phục vụ người dân có khả năng tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thông tin và các tiện ích thiết yếu	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.2. Điểm phục vụ bưu chính và chính quyền số - Xã có ít nhất 03 điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến đáp ứng các chỉ tiêu điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số của tiêu chí xã nông thôn mới	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì hướng dẫn và thẩm tra
		- Có tổ chức việc tiếp nhận và cung ứng dịch vụ công trực tuyến tại các nhà văn hóa thôn (trừ các thôn có điểm phục vụ bưu chính hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công) - Đảm bảo 100% nhà văn hóa thôn và các điểm trọng yếu (ngã ba, ngã tư, các điểm sinh hoạt cộng đồng) có lắp đặt camera giám sát		
		1.3. Tỷ lệ thôn có mô hình thôn thông minh (chỉ tiêu 7.4 của tiêu chí xã nông thôn mới)	≥ 40%	
		1.4. Công trình cơ quan công sở và các đơn vị sự nghiệp công lập đang hoạt động tại xã (trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, công an, quân sự; trường học; trạm y tế; nhà văn hóa xã) được lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo	≥ 02 công trình	Sở Công Thương
		1.5. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%, trong đó, có hộ dân sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	Đạt	
2	Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.1. Có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp thông minh hoặc ít nhất 04 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc ít nhất 02 mô hình kinh tế xanh (hoặc kinh tế tuần hoàn) hiệu quả	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của xã được đưa lên sàn thương mại điện tử	100%	Sở Công Thương
		2.3. Văn hóa - Có kế hoạch hoặc chương trình ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Có sử dụng nền tảng số và hệ thống thông tin cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tuyên truyền, quảng bá các hoạt động văn hóa trên địa bàn	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì hướng dẫn và thẩm tra
		- Có thực hiện số hóa, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu về di sản văn hóa, lễ hội truyền thống (nếu có), thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa trên địa bàn theo quy định - Có ít nhất 01 mô hình hoặc sáng kiến ứng dụng công nghệ số, đổi mới sáng tạo trong hoạt động văn hóa, quảng bá văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch địa phương - Có lồng ghép nội dung phát triển văn hóa gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới - Có tổ chức hoặc tham gia tập huấn kỹ năng số phục vụ phát triển văn hóa. Có huy động, hướng dẫn người dân tham gia các hoạt động văn hóa trên nền tảng số hoặc các hoạt động văn hóa có ứng dụng công nghệ số - Có đánh giá kết quả, hiệu quả ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa		
		2.4. Giáo dục: Các trường học có sử dụng hệ thống quản lý trường học; triển khai học bạ số (đối với các trường phổ thông)	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.5. Y tế - Y tế số và Trạm Y tế thông minh: Tỷ lệ người dân thường trú có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt từ 95% trở lên; Trạm Y tế ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khám chữa bệnh, quản lý các chương trình y tế và kết nối tư vấn, hội chẩn từ xa với tuyến trên - Chăm sóc sức khỏe: Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 98% trở lên và tỷ lệ người dân thường trú được quản lý sức khỏe đạt từ 95% trở lên	Đạt	Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì hướng dẫn và thẩm tra
		- An toàn thực phẩm và y tế dự phòng: Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tập thể trên địa bàn; 100% cơ sở thuộc diện quản lý được kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm theo quy định; tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế		
3	Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	3.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥ 45%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		3.2. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤ 0,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥80% (trong đó phải có tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung ≥ 35%)	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp và 100% đối tượng bảo trợ xã hội được quản lý bằng cơ sở dữ liệu điện tử	Đạt	Sở Y tế
4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	4.1. 100% người dân được tuyên truyền về thực hiện nếp sống văn minh, quy tắc ứng xử văn hóa trong cộng đồng	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.2. 100% thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn: Được quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả; được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em; ở xã hằng năm tổ chức ít nhất 10 hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí và sinh hoạt cộng đồng phù hợp với nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn; 100% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì hướng dẫn và thẩm tra
		4.3. 100% thôn có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng. Có mô hình hoặc hình thức truyền dạy di sản văn hóa vật thể (lớp truyền dạy tu bổ, bảo quản di tích; mô hình học tập di sản tại di tích lịch sử - văn hóa; hoạt động tham quan, giáo dục di sản gắn với công trình, hiện vật văn hóa…) hoặc phi vật thể (Bài chòi, nghề thủ công, nghệ thuật truyền thống…) cho thế hệ trẻ (nếu có di sản tương ứng).	Đạt	
		4.4. 100% thôn đạt danh hiệu văn hóa theo quy định và đảm bảo ít nhất 70% thôn đạt thôn văn hóa 02 năm liên tục (bao gồm năm xét công nhận đạt chuẩn) trên tổng số thôn của xã.	Đạt	
		4.5. Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh trong cộng đồng. 100% hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư có nội dung về xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương theo quy định	Đạt	
		4.6. Có sử dụng nền tảng số, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin chủ động nắm bắt và xử lý thông tin phản ánh kiến nghị của Nhân dân đảm bảo thông tin hai chiều thông suốt, hiện đại, tăng cường tương tác giữa Nhà nước và người dân trên môi trường số	Đạt	
		4.7. 100% di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và di tích được xếp hạng từ cấp thành phố trở lên tại địa phương (nếu có) được bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị theo quy định	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì hướng dẫn và thẩm tra
		4.8. Các lễ hội truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, văn nghệ dân gian hoặc di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của địa phương được kiểm kê, bảo tồn, thực hành và phát huy phù hợp với quy định	Đạt	
		4.9. Có hoạt động huy động sự tham gia của người dân, tổ chức, cá nhân trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa truyền thống địa phương. Có lồng ghép nội dung bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện địa phương	Đạt	
		4.10. Có ít nhất 01 công trình hoặc không gian văn hóa truyền thống tiêu biểu hoặc cảnh quan trụ sở xã (trụ sở Đảng ủy hoặc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã), nhà văn hóa xã, khu dân cư có yếu tố nhận diện văn hóa địa phương (biểu trưng, pa-nô, bảng tên công trình gắn với lịch sử, truyền thống,…). Khuyến khích việc bảo tồn, phát huy văn hóa làng truyền thống trong xây dựng nông thôn mới	Đạt	
5	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	5.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định	≥ 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.2. Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải	≥ 2	
		5.3. Không có điểm nóng về ô nhiễm môi trường	Đạt	
		5.4. Hệ thống đường làng, ngõ xóm, khu dân cư được chỉnh trang đồng bộ, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Đơn vị chủ trì hướng dẫn và thẩm tra
6	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	6.1. Nêu cao vai trò chủ động của cơ sở: Chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch thực hiện về an ninh, trật tự trong 05 năm và hằng năm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương	Đạt	Công an thành phố
		6.2. An ninh, trật tự được bảo đảm: Duy trì vững chắc tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 48/2025/TT-BCA ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an). Đồng thời, kiên quyết giữ địa bàn xã không thuộc diện phức tạp về an ninh, trật tự	Đạt	
		6.3. Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Đạt	